

TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN

VŨ THỊ LAN ANH *

Tóm tắt: Trách nhiệm công khai là trách nhiệm đương nhiên của các cơ sở giáo dục đại học. Luật Giáo dục đại học năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2018 nhấn mạnh tự chủ đại học phải đi liền với trách nhiệm giải trình; trách nhiệm giải trình trong tự chủ đại học phải gắn liền với yêu cầu công khai, minh bạch. Bài viết tiếp cận trách nhiệm công khai dưới góc độ là một hình thức thực hiện trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học; trên cơ sở đó làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung và hình thức công khai trong các cơ sở giáo dục đại học, phân tích quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về trách nhiệm công khai của các cơ sở đào tạo và đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả việc thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: Trách nhiệm công khai; trách nhiệm giải trình; cơ sở giáo dục đại học; tự chủ đại học

Nhận bài: 20/8/2023

Hoàn thành biên tập: 18/02/2024

Duyệt đăng: 18/02/2024

REGULATIONS ON PUBLIC RESPONSIBILITY OF HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS AND RECOMMENDATIONS

Abstract: Transparency is an inherent responsibility of higher education institutions. The 2012 Law on Higher Education (amended in 2018) has emphasised that university autonomy must accompany with accountability - which means publicity and transparency requirements must be met. Within the scope of this article, transparency is approached as a form of accountability exercised by higher education institutions. The article clarifies the concept, characteristics, content and forms of transparency in higher education institutions; analyses current legal regulations on the transparency of higher education institutions. Accordingly, the author proposes a number of recommendations to improve the effectiveness of transparency of higher education institutions in Vietnam.

Keywords: Transparency; accountability; higher education institutions; university autonomy

Received: 20 August 2023; Editing completed: 18 February 2024; Accepted for publication: 18 February 2024

1. Khái quát về trách nhiệm công khai của các cơ sở giáo dục đại học

1.1. Khái niệm “trách nhiệm giải trình”
và “trách nhiệm công khai” của các cơ sở
giáo dục đại học

Trách nhiệm công khai của các cơ sở
giáo dục đại học (GDĐH) trong phạm vi bài

viết này được tiếp cận dưới góc độ là một
hình thức thực hiện trách nhiệm giải trình
của các cơ sở GDĐH, do đó trước khi tìm
hiểu khái niệm “trách nhiệm công khai”, cần
làm rõ khái niệm “trách nhiệm giải trình”.

Trách nhiệm giải trình (accountability) là
thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Latin
“accomptare” có nghĩa là giải thích. Vì thế
trách nhiệm giải trình trước hết được hiểu là

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: lananh@hlu.edu.vn

“trách nhiệm giải thích” việc thực hiện nhiệm vụ, công việc. Dưới góc độ ngôn ngữ, giải trình là việc “trình bày và giải thích, thuyết minh”¹, vì thế trách nhiệm giải trình là phần công việc được giao phải bảo đảm làm tốt việc trình bày, giải thích, thuyết minh về công việc của mình²... Trách nhiệm giải trình là trách nhiệm giải thích việc thực thi nhiệm vụ, công vụ hay những vấn đề liên quan đến trách nhiệm quản lý của mình khi được yêu cầu³. Dưới góc độ giáo dục học, thuật ngữ trách nhiệm giải trình có thể được hiểu là: 1) liên quan trước hết tới những người có thẩm quyền và quy định họ cần thực thi nhiệm vụ của mình như thế nào; 2) là sự sẵn sàng giải thích các quyết định có kèm theo minh chứng khi sinh viên, đồng nghiệp hoặc bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong xã hội yêu cầu. Thuật ngữ này thường được dùng tương tự như những thuật ngữ “trách nhiệm” (responsibility), “khả năng biện minh” (answerability), “nghĩa vụ pháp lý” (liability), là những thuật ngữ liên quan tới sự mong đợi về khả năng chịu trách nhiệm⁴. “Trách nhiệm giải trình là sự thừa nhận về trách nhiệm đối với mọi hành động, mọi sản phẩm, mọi quyết định hay chính sách đưa ra trong việc lãnh đạo, quản lý và

thực hiện công việc, gắn với nghĩa vụ báo cáo, giải thích, biện minh cho mọi hậu quả của những việc chúng ta làm”⁵. Năng lực giải trình được hiểu là năng lực thực hiện nghĩa vụ thông tin đầy đủ, năng lực biện minh cho hành động của mình và khả năng gánh chịu chế tài nếu hành động của mình vi phạm các quy định pháp luật⁶.

Trong trường đại học, trách nhiệm giải trình có nghĩa là những người được giao quyền lực phải chịu trách nhiệm trước các cá nhân, các nhóm người nào đó hoặc cả cộng đồng. Theo tác giả Phạm Thị Ly, “trách nhiệm giải trình là cốt lõi của quan hệ công việc giữa các cá nhân với nhau, cũng như giữa một tổ chức với cơ quan quản lý và công chúng. Vấn đề này đặc biệt quan trọng trong những lĩnh vực có quan hệ tới lợi ích của số đông công chúng, chẳng hạn chính sách công hay những hoạt động sử dụng ngân sách công. Do vậy, trường đại học ở các nước phát triển đều công khai minh bạch báo cáo hàng năm của mình, sẵn sàng giải trình trách nhiệm bằng những dữ liệu cụ thể về hoạt động của nhà trường. Đây là một nội dung quan trọng trong văn hoá quản lý của các trường đại học và là nhân tố không thể thiếu để duy trì niềm tin của công chúng và của nhà nước với sự chính trực trong các hoạt động của nhà trường”⁷. Như vậy, trách

¹ Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (Chủ biên), Nxb. Hồng Đức, tr. 490.

² Viện Ngôn ngữ học, tldđ, tr. 1292.

³ Dykstra, Clarence A. (1939), “The Quest for Responsibility”, *The American Political Science Review*, Vol. 33, No. 1, tr. 1 - 25, DOI: <https://doi.org/10.2307/1949761>.

⁴ Phạm Thị Ly (2012), “Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình: quan hệ giữa nhà nước, nhà trường và xã hội”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 15, tr. 60.

⁵ Phạm Thị Ly (2012), tldđ, tr. 60.

⁶ Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án khoa học “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục đại học năm 2012”*, Chương trình Khoa học Giáo dục Quốc gia, Hà Nội, tr. 67. Xem thêm: Phạm Thị Ly (2012), tldđ.

⁷ Phạm Thị Ly (2012), tldđ, tr. 61 - 62.

nhiệm giải trình không đơn thuần chỉ mang ý nghĩa “chịu trách nhiệm”, mà còn là “công khai, minh bạch thông tin” và trách nhiệm giải thích bằng những minh chứng cụ thể, định tính về hoạt động của nhà trường, phải được đo lường bởi các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể. Nói cách khác, công khai, minh bạch là một hình thức để các cơ sở GDĐH thực hiện trách nhiệm giải trình, đặc biệt là trong bối cảnh thực hiện tự chủ đại học ở Việt Nam.

Công khai là “không giữ kín, mà để cho mọi người đều có thể biết”⁸. Trách nhiệm công khai của các cơ quan, tổ chức và cá nhân là trách nhiệm công bố, cung cấp thông tin chính thức về văn bản, về tổ chức và hoạt động hoặc về các nội dung có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ một cách rõ ràng, ngay tình, trung thực, không giấu diếm⁹. Công khai, minh bạch luôn được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu để phòng, chống các hành vi tiêu cực trong các hoạt động có tổ chức, đặc biệt là hoạt động của các cơ quan trao quyền lực công¹⁰.

Trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH có những đặc điểm sau đây: 1) Là một hình thức thực hiện trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH; 2) Việc thực hiện

trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH phải đảm bảo tính minh bạch, chính xác, rõ ràng, thường xuyên; 3) Đối tượng hướng tới của các cơ sở GDĐH khi thực hiện trách nhiệm công khai là các bên liên quan đến cơ sở GDĐH. Các bên liên quan trong cơ sở GDĐH gồm: người học, xã hội, cơ quan quản lý và các bên có lợi ích liên quan khác. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, đối tượng được thực hiện công khai không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia, mà còn có thể là cộng đồng quốc tế nói chung; 4) Cơ sở pháp lý để thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH là quy định pháp luật, quy chế của trường. Các văn bản này thường quy định về tổ chức và hoạt động, các nội dung có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở GDĐH; 5) Trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH có mối quan hệ mật thiết với thực hiện dân chủ cơ sở. Thực hiện dân chủ cơ sở để nhằm thực hiện tốt nhất, hiệu quả nhất phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong các hoạt động của cơ sở GDĐH. Để thực hiện dân chủ trong cơ sở GDĐH một cách hiệu quả, các cơ sở GDĐH phải thực hiện công khai các nội dung liên quan đến hoạt động của nhà trường để nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, người học và xã hội được biết, qua đó giám sát, kiểm tra để nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần ngăn chặn các hành vi tiêu cực, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện mở rộng phạm vi và nâng cao quyền tự chủ đại học của các cơ sở GDĐH.

Như vậy, công khai là một thành tố, một bộ phận của giải trình, là trách nhiệm của cơ sở GDĐH trong quá trình thực hiện giải trình.

⁸ Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (Chủ biên), Nxb. Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng, tr. 208.

⁹ Chu Hồng Thanh (2021), “*Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước về giáo dục đại học*”, Kì yếu Hội thảo “Tự chủ trong giáo dục đại học – từ chính sách đến thực tiễn”, Diễn đàn Giáo dục Việt Nam 2020, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 674.

¹⁰ Chu Hồng Thanh, *ltdđ*, tr. 674.

1.2. Những nội dung cần công khai

Trách nhiệm giải trình là trách nhiệm đương nhiên của các cơ sở GDĐH, dù các cơ sở GDĐH đó có được tự chủ hay không. Yêu cầu đặt ra là “các hệ thống giải trình phải dựa trên phương pháp luận khoa học, rõ ràng, thực tế, chi phí hiệu quả và đơn giản. Việc tiến hành giải trình phải tin cậy, đúng đắn và công bằng. Cả phương pháp luận và kết quả phải công khai”¹¹.

Tùy theo quan hệ giữa nhà nước và nhà trường trong việc trao quyền tự chủ mà các hệ thống giải trình có thể khác nhau. Tuy nhiên, theo John Fielden¹², thường có ba hệ thống giải trình: 1) Giải trình theo chiến lược đã được phê duyệt; 2) Giải trình theo hợp đồng đã kí kết giữa nhà trường và nhà nước; 3) Giải trình theo quy chế về kết quả hoạt động của nhà trường.

Khuyến nghị về vai trò của giảng viên đại học của UNESCO (1997)¹³ đã đặc biệt đưa ra nội dung chi tiết liên quan đến giải trình và có thể đưa 16 khuyến nghị của UNESCO thành các nhóm vấn đề sau: giải trình các điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu

cầu nhân lực của xã hội, nhu cầu học tập, học suốt đời của cá nhân, đảm bảo công bằng xã hội đối với sinh viên, phụ nữ và người thiểu số, loại trừ xâm phạm tình dục và sắc tộc; đảm bảo giảng viên không bị bất kì sự đe dọa, trù dập hoặc bạo lực nào trong việc thực thi nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu của mình; bảo vệ hữu hiệu quyền tự do học thuật và những quyền cơ bản của con người; đảm bảo sự trong sạch và liêm chính trong kế toán; Bảo đảm sử dụng hữu hiệu các nguồn lực.¹⁴

Như đã trình bày ở trên, trách nhiệm công khai là một hình thức của trách nhiệm giải trình. Do đó, thông tin mà các cơ sở GDĐH phải công khai có mối quan hệ mật thiết với nội dung các cơ sở GDĐH phải thực hiện giải trình. Các nội dung công khai phải nhằm xác lập và đảm bảo niềm tin của Nhà nước và xã hội đối với cơ sở GDĐH, là cơ sở để được giao quyền tự chủ hoặc tiếp tục được tự chủ trong tổ chức, hoạt động, tài chính và nguồn lực. Các nội dung mà cơ sở GDĐH phải thực hiện công khai bao gồm những nội dung liên quan đến hoạt động của nhà trường, cụ thể như sau:

- Về tổ chức: Công khai sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, kế hoạch, các quy chế, quy định nội bộ của cơ sở GDĐH...

- Về hoạt động: Công bố công khai các nội dung liên quan đến hoạt động của nhà trường, cụ thể như: đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ, phục vụ cộng đồng... Những nội

¹¹ Phạm Đỗ Nhật Tiến (2020), “Những vấn đề lý luận về quản trị đại học: khái niệm, đặc điểm, vai trò và các yếu tố tác động”, trong Đề tài khoa học cấp Bộ “Đổi mới mô hình quản trị đại học luật đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động và thực hiện tự chủ đại học”, Bộ Tư pháp.

¹² John Fielden (2008), “Global Trends in University Governance”, *World Bank Report*, Phạm Thị Ly dịch, *Bản tin Giáo dục Quốc tế NTT*, số 4&5 năm 2012.

¹³ UNESCO (1997), Recommendation concerning the Status of Higher-Education Teaching Personnel; http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13144&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html, truy cập ngày 18/02/2024.

¹⁴ Đặng Ứng Vận (2015), *Đại học tự chủ: Giải trình và chịu trách nhiệm với xã hội như thế nào*, <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/dai-hoc-tu-chu-giai-trinh-va-chiu-trach-nhiem-voi-xa-hoi-nhu-the-nao-post157127.gd>, truy cập 18/02/2024.

dung cụ thể thường là thông tin các chương trình đào tạo, chương trình liên kết đào tạo, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học; chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm, chất lượng đào tạo; các điều kiện đảm bảo chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng kiểm định, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm; mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng; báo cáo các chỉ số kết quả hoạt động của trường theo từng năm; đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên,...

- Về tài chính, nguồn lực: Công khai, minh bạch về tài chính, nguồn thu cũng như khoản chi. Để đảm bảo sự công khai, minh bạch, sự giám sát từ xã hội và để người học có thông tin để thực hiện quyền quyết định lựa chọn cơ sở GDĐH, cơ sở GDĐH phải công bố công khai chi phí đào tạo; mức thu học phí, mức thu phí dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác...

1.3. Hình thức thực hiện trách nhiệm công khai

Hình thức thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH rất đa dạng. Tùy vào từng đối tượng hướng tới mà các cơ sở GDĐH sẽ lựa chọn các hình thức để thực hiện trách nhiệm công khai cho phù hợp. Ví dụ, đối tượng để các cơ sở GDĐH thực hiện trách nhiệm công khai là cơ quan quản lý nhà nước thì hình thức thực hiện trách nhiệm công khai có thể là các báo cáo gửi định kì hay báo cáo đột xuất, có thể là việc cập nhật thông tin vào các phần mềm quản lý của các cơ quan quản lý có thẩm quyền, công khai các thông tin trên trang thông tin điện tử... Nếu đối tượng để các cơ sở GDĐH thực hiện công khai là người học và xã hội thì nội

dung công khai sẽ được thực hiện theo các hình thức sau: niêm yết tại cơ sở GDĐH, đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường, gửi thông tin vào tài khoản cá nhân của sinh viên trong hệ thống, qua thư điện tử hoặc phần mềm, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng... Nếu đối tượng để công khai là cán bộ, giảng viên, người lao động trong cơ sở GDĐH thì hình thức công khai có thể gồm các hình thức: thông báo tại hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động của cơ sở GDĐH, thông báo tại đối thoại của cơ sở GDĐH, thông báo bằng văn bản gửi toàn thể nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động, thông báo cho trường trưởng các đơn vị trực thuộc và thuộc cơ sở GDĐH và yêu cầu đơn vị thông báo đến nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong các đơn vị đó, gửi thư điện tử, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDĐH...

Hình thức công khai phổ biến nhất là đăng tải trên trang web hoặc cổng thông tin điện tử của nhà trường. Với hình thức này, đối tượng tiếp cận thông tin không chỉ là người liên quan có quan hệ trực tiếp với nhà trường mà tất cả những người quan tâm, kể cả cộng đồng ở ngoài nước.

2. Sự cần thiết phải thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh thực hiện quyền tự chủ đại học

Trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH trở nên rất quan trọng trong bối cảnh thực hiện quyền tự chủ đại học ở nước ta, vì những lí do sau đây:

Thứ nhất, việc thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH là nhằm tôn

trọng, ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GDĐH. Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học năm 2018 (sau đây gọi tắt là Luật GDĐH sửa đổi) quy định về quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH phải gắn liền với công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Thành tố quan trọng đầu tiên, nhất thiết phải có để đảm bảo tự chủ đại học thành công trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo là trách nhiệm giải trình, trong đó thực hiện công khai, minh bạch là để kiểm soát sự lạm quyền của các cơ sở GDĐH trong bối cảnh thực hiện tự chủ đại học. Hay nói cách khác, trách nhiệm giải trình nói chung và thực hiện trách nhiệm công khai nói riêng là cơ chế để nhà nước thực hiện được quyền kiểm soát từ xa đối với các cơ sở GDĐH khi Nhà nước giảm dần sự kiểm soát trực tiếp trong bối cảnh mở rộng quyền tự chủ đại học.

Thứ hai, các cơ sở GDĐH có trách nhiệm công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý của mình. Trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là trách nhiệm xã hội, là văn hoá, là bản chất dân chủ trong quản lý nhà nước¹⁵. Những thông tin đầy đủ và tin cậy về các cơ sở GDĐH không chỉ giúp cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá, xử lý vi phạm (nếu có) đối với các cơ sở GDĐH theo quy định của pháp luật, mà còn giúp họ ban hành các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ và thúc đẩy các cơ sở GDĐH đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thứ ba, việc công khai thông tin của cơ sở GDĐH tạo điều kiện cho người học và xã hội thực hiện việc giám sát hoạt động của cơ sở GDĐH. Người học, gia đình, xã hội, người sử dụng lao động được cung cấp thông tin một cách đầy đủ, minh bạch để từ đó có cơ sở thực hiện chức năng giám sát của mình. Những thông tin đầy đủ và tin cậy về các cơ sở GDĐH sẽ giúp người học lựa chọn được ngành học và nơi học phù hợp với năng lực, sở trường cũng như nguyện vọng nghề nghiệp trong tương lai; giúp các nhà tuyển dụng đưa ra các quyết định về liên kết, hợp tác với nhà trường, có chính sách tuyển dụng đối với những người học tốt nghiệp của trường, có phản hồi, góp ý với nhà trường để hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn; giúp xã hội phát hiện những bất cập, những hành vi vi phạm pháp luật của cơ sở GDĐH để lên tiếng.

Thứ tư, việc công khai, minh bạch các thông tin của cơ sở GDĐH mang lại lợi ích cho chính cơ sở GDĐH đó. Trước hết, việc công khai góp phần quảng bá hình ảnh của các cơ sở GDĐH, duy trì niềm tin của xã hội và của nhà nước về sự nghiêm túc, liêm chính trong các hoạt động của nhà trường. Việc công khai các thông tin, đặc biệt là thông tin về chất lượng dịch vụ đào tạo và giá thành dịch vụ đào tạo là cơ sở để các tổ chức kiểm định chất lượng, các tổ chức xếp hạng cơ sở GDĐH có được thông tin phục vụ việc đánh giá. Thông qua việc kiểm định chất lượng GDĐH; công khai các năng lực, thế mạnh của các cơ sở GDĐH; tham gia các bảng xếp hạng đại học..., các cơ sở GDĐH có thể khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống GDĐH trong nước cũng như

¹⁵ Chu Hồng Thanh, tltđ, tr. 681.

quốc tế. Điều đó cho phép hình ảnh của các cơ sở GDĐH được truyền tải đến với các bên liên quan, giúp thu hút người học, thu hút đối tác cũng như các nhà tài trợ, các bên có nhu cầu liên kết, hợp tác. Tiếp đó, từ việc phản hồi của các bên liên quan về các thông tin công khai, nhà trường hoàn thiện chính sách, quy định, chương trình đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người học, các nhà tuyển dụng và xã hội nói chung.

3. Trách nhiệm công khai của các cơ sở giáo dục đại học theo pháp luật Việt Nam

Trách nhiệm giải trình là một chế định pháp lý quan trọng để kiểm soát thực thi quyền tự chủ và giám sát hoạt động của các cơ sở GDĐH khi được trao quyền tự chủ. Luật GDĐH sửa đổi 2018 đã quy định rõ: *“Trách nhiệm giải trình là việc cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm báo cáo, minh bạch thông tin đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền, chủ sở hữu và các bên liên quan về việc tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện đúng quy định, cam kết của cơ sở giáo dục đại học”* (khoản 12 Điều 4). Bên cạnh đó, trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH đối với chủ sở hữu, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan được quy định khá cụ thể. Đặc biệt, Luật và Nghị định quy định rõ hai hình thức thực hiện trách nhiệm giải trình gồm công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDĐH và báo cáo định kì, đột xuất cho

chủ sở hữu và cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Các nội dung phải công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDĐH là: 1) Sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở GDĐH; 2) Quy chế, quy định nội bộ; 3) Danh sách giảng viên theo ngành, trình độ, chức danh và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo khác; 4) Kết quả kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở GDĐH; 5) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, kế hoạch tổ chức đào tạo; 6) Đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, danh sách nhập học và tốt nghiệp hằng năm theo ngành, trình độ đào tạo, quy mô đào tạo và tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp; 7) Mẫu văn bằng, chứng chỉ, danh sách cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học hằng năm; 8) Chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cả khoá học; 9) Chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng; 10) Thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định mở ngành, quyết định liên kết đào tạo cùng với hồ sơ chứng minh đủ điều kiện theo quy định lên trang thông tin điện tử của nhà trường trước khi thực hiện ít nhất 30 ngày làm việc; 11) Báo cáo tài chính hằng năm, trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước; 12) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Các nội dung phải báo cáo định kì, đột xuất thực hiện theo quy định, yêu cầu của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Bên cạnh đó, phải gửi các quy định nội bộ về Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành để phục vụ công tác quản lý nhà nước về GDĐH; Gửi thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định mở

ngành, quyết định liên kết đào tạo cùng với hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tới Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày thông báo hoặc ra quyết định.

Luật GDĐH sửa đổi 2018 đã quy định: Công khai là một hình thức để các cơ sở

GDĐH thực hiện trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, Luật GDĐH sửa đổi 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP cũng quy định rất rõ các nội dung mà các cơ sở GDĐH phải thực hiện công khai, hình thức và thời điểm công khai, cụ thể như sau:

STT	Thông tin cần công khai theo quy định của Luật GDĐH và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP	Hình thức và thời điểm công khai
A	Thông tin chung của Trường	
1	Sứ mạng, tầm nhìn của trường (điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
2	Quy chế, quy định nội bộ của Trường (điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
3	Danh sách Chủ tịch và thành viên Hội đồng trường (điểm a khoản 5 Điều 16 Luật GDĐH)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận
4	Cơ cấu tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
5	Người đại diện theo pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
6	Danh sách giảng viên theo ngành, trình độ và chức danh (điểm d khoản 2 Điều 32 Luật GDĐH, điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
7	Báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động (điểm b khoản 6 Điều 32 Luật GDĐH)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
8	Kết quả nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng (khoản 5 Điều 50 Luật GDĐH)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường, trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương tiện thông tin đại chúng
B	Quản lý đào tạo	
9	Chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo (điểm d khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 34, khoản 5 Điều 50 Luật GDĐH, điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường, trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương tiện thông tin đại chúng

STT	Thông tin cần công khai theo quy định của Luật GDDH và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP	Hình thức và thời điểm công khai
10	Kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở GDDH (khoản 5 Điều 50 Luật GDDH, điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường, trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương tiện thông tin đại chúng
11	Kết quả kiểm định chương trình đào tạo (điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
12	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp (điểm d khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 34 Luật GDDH, điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP).	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
13	Phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh và chất lượng đào tạo (điểm b khoản 1 Điều 34 Luật GDDH, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường và công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
14	Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, danh sách nhập học và tốt nghiệp hằng năm theo ngành, trình độ đào tạo, quy mô đào tạo (điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
15	Thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định mở ngành, quyết định liên kết đào tạo cùng với hồ sơ chứng minh đủ điều kiện theo quy định (điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai lên trang thông tin điện tử của trường trước khi thực hiện ít nhất 30 ngày làm việc; gửi thông báo, quyết định tới Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày thông báo hoặc ra quyết định;
16	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, kế hoạch tổ chức đào tạo (điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
17	Mẫu văn bằng, chứng chỉ, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học danh sách cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học hằng năm (khoản 3 Điều 38 Luật GDDH, điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
18	Thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam (khoản 7 Điều 45 Luật GDDH)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường và phương tiện thông tin đại chúng

STT	Thông tin cần công khai theo quy định của Luật GDĐH và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP	Hình thức và thời điểm công khai
C	Học phí và tài chính của Trường	
19	Chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu khác của người học cho cho lộ trình cả khoá học, từng năm học (khoản 5 Điều 65 Luật GDĐH, điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trong thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của trường
20	Chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng (điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai trên trang thông tin điện tử của trường
21	Báo cáo tài chính hằng năm theo quy định (điểm d khoản 6 Điều 32 Luật GDĐH, điểm e khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP)	Công khai hằng năm trên trang thông tin điện tử của trường, trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.
22	Tài chính, việc sử dụng các nguồn tài chính (khoản 5 Điều 66 Luật GDĐH).	Công khai theo quy định pháp luật về tài chính

Có thể thấy, các nội dung công khai theo Luật GDĐH sửa đổi và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP chủ yếu được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDĐH hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này cho thấy rõ xu hướng quốc tế hoá, hiện đại hoá, đại chúng hoá trong các văn bản pháp luật về GDĐH này, tạo điều kiện để thực hiện cho cơ sở GDĐH, dễ tiếp cận đối với đối tượng được công khai, không có rào cản biên giới, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đó, Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân quy định cụ thể tại Điều 7 về công khai đối với cơ sở GDĐH. Các nội dung công khai bao gồm: 1) Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; 2) Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục;

3) Công khai thu chi tài chính. Tuy nhiên, Thông tư này ban hành trước khi có Luật GDĐH sửa đổi và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP nên nội dung còn chưa tương thích với các văn bản pháp luật mới. Mặc dù vậy, đến nay Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT vẫn đang có hiệu lực thi hành nên các cơ sở GDĐH vẫn tiếp tục phải công khai theo Thông tư này, đồng thời theo Luật GDĐH và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Khó khăn đối với các cơ sở GDĐH là bên cạnh các nội dung trùng lặp, các văn bản này có sự khác biệt: các nội dung cần công khai quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT rất chi tiết, cụ thể, trong khi đó, các nội dung tại Luật và Nghị định rộng hơn, đầy đủ hơn, bao trùm các thông tin cơ bản, kết quả hoạt động chủ yếu của nhà trường. Vấn đề đặt ra là khi tên mục công khai ở các văn bản chưa tương thích, mức độ cụ thể khác nhau thì những nội dung

đã công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT sẽ tiếp tục nhắc lại trong những nội dung công khai theo Luật GDĐH và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP hay chỉ cần dẫn chiếu?

Ngoài ra, như đã trình bày ở trên, trách nhiệm công khai của cơ sở GDĐH có mối quan hệ mật thiết với việc thực hiện dân chủ trong các cơ sở GDĐH, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ sở GDĐH công lập được ban hành. Thông tư này ra đời nhằm thực hiện mục tiêu phát huy quyền làm chủ của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, người học và nâng cao trách nhiệm của các cá nhân trong nhà trường, đồng thời để tăng cường nền nếp, kỉ cương, kỉ luật trong hoạt động của cơ sở GDĐH, góp phần xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phòng chống các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền trong các cơ sở giáo dục. Ngoài các nội dung cơ sở GDĐH phải thực hiện công khai được quy định trong Luật GDĐH sửa đổi và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, trách nhiệm thực hiện dân chủ, trong đó có việc công khai trong các cơ sở GDĐH chủ yếu được giao cho Hiệu trưởng (Điều 4). Cụ thể Hiệu trưởng phải thực hiện “*công khai trong quản lí, điều hành hoạt động của cơ sở giáo dục; trong quản lí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lí, người lao động và người học theo quy định của pháp luật và Thông tư này*” (khoản 2 Điều 4); “*chỉ đạo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời*

những thông tin, tài liệu, cách thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình những nội dung công việc trong cơ sở giáo dục” (khoản 5 Điều 4). Các chủ thể khác trong nhà trường như Hội đồng trường; trường các đơn vị trực thuộc, thuộc; người đứng đầu đoàn thể, tổ chức và ban thanh tra nhân dân; nhà giáo, cán bộ quản lí và người lao động trong cơ sở giáo dục có trách nhiệm giám sát hoặc trực tiếp thực hiện quy định có liên quan về dân chủ, công khai như thực hiện quy chế dân chủ, đóng góp ý kiến... Bên cạnh đó, ở các cơ sở GDĐH công lập, các lãnh đạo Trường và những người giữ các vị trí công tác nhất định (tổ chức cán bộ, quản lí tài chính, tài sản công...) còn phải thực hiện trách nhiệm công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Công tác xây dựng thể chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo được đẩy mạnh trong thời gian gần đây với nhiều văn bản mới được ban hành, trong đó có những quy định về công khai. Ví dụ, Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học quy định các cơ sở GDĐH phải có “*dữ liệu quản lí về người học, các điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục đại học được kết nối liên thông, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và nhất quán trên hệ thống HEMIS*” (Tiêu chí 1.4 của Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và Quản trị). Như vậy, các cơ sở GDĐH có

trách nhiệm công khai và cập nhật các thông tin dữ liệu trên hệ thống HEMIS.

4. Một số kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả việc thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở giáo dục đại học

Để tăng cường hiệu quả việc thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH, một số giải pháp có thể được xem xét như sau:

4.1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm giải trình, đặc biệt là các quy định liên quan đến trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu bổ sung các hình thức công khai khác ngoài 2 hình thức là công khai trên trang thông tin điện tử và báo cáo, ví dụ hình thức niêm yết công khai tại cơ sở GDĐH, gửi thông tin trên hệ thống mạng nội bộ, thư điện tử, công khai tại các cuộc họp, hội nghị có các thành phần là đối tượng được công khai...

Thứ hai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH. Hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm và phương thức kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH, đảm bảo các cơ chế, chính sách về giám sát cộng đồng và dân chủ cơ sở được ban hành rõ ràng, đầy đủ, dễ hiểu và dễ thực hiện.

Thứ ba, quy định rõ về công tác đánh giá và trách nhiệm giải trình các số liệu công khai của các cơ sở GDĐH với các bên liên quan; bổ sung các quy định về việc kiểm tra, thanh tra, xử lý kết quả, các chế tài cụ thể khi các cơ sở GDĐH vi phạm trách

nhiệm công khai đối với các đối tượng có liên quan.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nhanh chóng sửa đổi Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để phù hợp với Luật GDĐH sửa đổi và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Trong Thông thư mới cần cập nhật và bổ sung các nội dung cần công khai hiện đang quy định rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau.

4.2. Đối với các cơ sở giáo dục đại học

Thứ nhất, các cơ sở GDĐH cần rà soát và chú trọng thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch các thông tin theo quy định của Luật GDĐH sửa đổi và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan. *Thứ hai*, các cơ sở GDĐH cần ban hành văn bản nội bộ của Trường quy định các nội dung cần công khai, có thể tích hợp với quy chế dân chủ ở cơ sở để các đơn vị, cá nhân trong cơ sở GDĐH có trách nhiệm thực hiện theo các quy định đó. *Thứ ba*, quán triệt, phổ biến rộng rãi, tăng cường nhận thức về thực hiện trách nhiệm công khai của các cơ sở GDĐH, đặc biệt cho đội ngũ giáo chức, viên chức khác, người lao động. Phải xác định đây không chỉ là nhiệm vụ của cấp trên giao cho cấp dưới, mà còn là trách nhiệm xã hội của các cơ sở GDĐH và của từng cá nhân trong nhà trường. Thông qua cơ chế công khai, người học và xã hội có điều kiện giám sát việc thực hiện các cam kết của các trường. Cơ sở GDĐH đưa thông tin sai hay không thực hiện đúng cam kết đã công khai sẽ khó có thể thu hút được sinh viên vào trường, làm giảm niềm tin của

người tuyển dụng lao động và các nhà đầu tư. Thứ tư, thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên và định kì việc triển khai thực hiện công khai các nội dung thuộc trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong cơ sở GDĐH theo đúng quy định. Cần thiết phải coi công khai và cập nhật thông tin theo quy định là một tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân trong cơ sở GDĐH.

4.3. Đối với người học và xã hội

Cần tăng cường nhận thức về quyền giám sát việc công khai của cơ sở GDĐH để cộng đồng xã hội và người học hiểu được “quyền được biết” của mình, từ đó sử dụng có hiệu quả để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cũng như đóng góp ý kiến để nhà trường thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ và các nội dung đã cam kết. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rõ giới hạn của quyền, tránh tình trạng lạm dụng quyền để trục lợi hoặc gây tổn hại trái pháp luật đến hoạt động của cơ sở GDĐH./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Hồng Thanh (2021), “Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước về giáo dục đại học”, Kì yếu Hội thảo “Tự chủ trong giáo dục đại học - Từ chính sách đến thực tiễn”, Diễn đàn Giáo dục Việt Nam 2020, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Dykstra, Clarence A. (1939), “The Quest for Responsibility”, The American Political Science Review, Vol. 33, No. 1, DOI: <https://doi.org/10.2307/1949761>
3. Đặng Ứng Vận (2015), *Đại học tự chủ: Giải trình và chịu trách nhiệm với xã hội như thế nào*, <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/dai-hoc-tu-chu-giai-trinh-va-chiu-trach-nhiem-voi-xa-hoi-nhu-the-nao-post-157127.gd>
4. John Fielden (2008), “Global Trends in University Governance”, *World Bank Report*, Phạm Thị Ly dịch, *Bản tin Giáo dục Quốc tế NTT*, số 4&5 năm 2012.
5. Phạm Đỗ Nhật Tiến (2020), “Những vấn đề lí luận về quản trị đại học: khái niệm, đặc điểm, vai trò và các yếu tố tác động”, trong Đề tài khoa học cấp Bộ “*Đổi mới mô hình quản trị đại học luật đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động và thực hiện tự chủ đại học*”, Bộ Tư pháp.
6. Phạm Thị Ly (2012), “Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình: quan hệ giữa nhà nước, nhà trường và xã hội”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 15.
7. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (Chủ biên), Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
8. Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (Chủ biên), Nxb. Hồng Đức.
9. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án khoa học “Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn để sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục đại học năm 2012”*, Chương trình Khoa học Giáo dục Quốc gia, Hà Nội.
10. UNESCO (1997), *Recommendation concerning the Status of Higher-Education Teaching Personnel*; http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13144&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html